

Số: /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 12 năm 2020 Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 28/TTr-SKHCN ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- 100% viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh được tập huấn, đào tạo cơ bản về sở hữu trí tuệ.

- Có ít nhất 10 sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và 30 sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

b) Đến năm 2030

- Đơn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu trung bình mỗi năm: 05 sáng chế, 20 kiểu dáng công nghiệp, 200 nhãn hiệu, 01-03 giống cây trồng.

- Có ít nhất 15 sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và 50 sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

II. QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc quản lý

- Thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Việc quản lý Chương trình phải bảo đảm công khai, minh bạch. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai theo đúng mục tiêu, nội dung và không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền khác.

- Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình: Là nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan thường trực, quản lý Chương trình, được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong

phạm vi dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung thuộc Chương trình.
- Tổ chức học tập kinh nghiệm, thanh kiểm tra... trong phạm vi Chương trình.
- Biên tập, phát hành các tài liệu chuyên đề về sở hữu trí tuệ.
- Sơ kết, tổng kết Chương trình và vinh danh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

c) Phân cấp quản lý

Sở Khoa học và Công nghệ: Quản lý và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình có sử dụng ngân sách tỉnh.

Việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN và các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ.

a) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

b) Triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu) của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

b) Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Nghiên cứu xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ.

c) Khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam để ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

4. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành nhằm xử lý các hành vi sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

c) Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

b) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan.

6. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Biên tập, phát hành các tài liệu chuyên đề về sở hữu trí tuệ.

c) Vinh danh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ; các tổ chức, cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

2. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí

Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2; các điểm a và b khoản 3 và khoản 6 Mục III Điều 1 Chương trình này;

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1; điểm c và d khoản 3; khoản 4 và khoản 5 Mục III Điều 1 Chương trình này căn cứ theo nhiệm vụ được phê duyệt theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

3. Lập dự toán, quyết toán kinh phí

a) Lập dự toán: Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt và nội dung tại Chương trình này để lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung vào dự toán của tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Việc phân bổ, giao dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai Chương trình.

b) Chủ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

c) Tổ chức quản lý và thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định.

d) Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình. Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình 05 năm 2022-2025, tổng kết thực hiện Chương trình đến năm 2030.

đ) Hàng năm xây dựng và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối nguồn lực hàng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực giống cây trồng.

b) Chủ trì rà soát danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của địa phương, các sản phẩm gắn với Chương trình OCOP để đề xuất, xác định các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

c) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được bảo hộ.

d) Đẩy mạnh công tác quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, giới thiệu Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 cho doanh nghiệp/cơ sở công nghiệp nông thôn đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt giải cấp tỉnh năm 2020 (và các năm tiếp theo) để biết, đăng ký tham gia chương trình.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng quảng bá thương hiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

d) Tăng cường các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP; đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thị trường nhằm tăng khả năng xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, đặc thù đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả.

b) Tăng cường công tác quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Các sở, ban, ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Chương trình này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ động đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc duy trì, quản lý và phát triển các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể trên địa bàn tỉnh trong phạm vi địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

d) Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình này theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

8. Đòi Phát thanh và Truyền hình Bà Rịa – Vũng Tàu, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Tăng cường phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, tổ chức phát sóng các chương trình, phóng sự có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ tại địa phương.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Đính kèm Phụ lục 1: Danh mục nhiệm vụ ưu tiên thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Phụ lục 2: Danh mục các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các đơn vị tại mục IV;
- VPUB: CVP, các PVP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
GIẢI ĐOẠN 2022-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ					
1	Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan; Các tổ chức, doanh nghiệp.	Hàng năm (từ 2022 – 2030)	
2	Triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.	Nội dung và mức chi áp dụng theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan; Các tổ chức, doanh nghiệp.	Hàng năm (từ 2022 – 2030)	
II	Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước					

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân.	Triển khai theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022-2026. Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Tổ chức (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã), cá nhân trên địa bàn tỉnh; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
2	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.	Tổ chức (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã); kinh phí khác.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã), cá nhân trên địa bàn tỉnh; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
3	Đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	Danh mục sản phẩm, dịch vụ theo Phụ lục 2
III	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ					

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	Danh mục sản phẩm, dịch vụ theo Phụ lục 2
2	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	Danh mục sản phẩm, dịch vụ theo Phụ lục 2
3	Khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam để ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Các tổ chức, doanh nghiệp.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
4	Quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá,	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã,	Theo giai đoạn 2022-	

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.	- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.		thành phố, Các tổ chức, doanh nghiệp.	2025 và 2026-2030.	
IV	Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ					
1	Hỗ trợ kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Các tổ chức, doanh nghiệp.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
2	Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.	- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này. - Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Các tổ chức, doanh nghiệp.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2021/TT-BTC.				
V	Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ					
1	Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
2	Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
3	Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng giống cây trồng.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		2 mục IV Điều 1 Chương trình này.				
4	Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh; kinh phí khác. - Nguyên tắc hỗ trợ: theo quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Chương trình này.	Sở Văn hóa và Thể thao.	Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	
VI	Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội					
1	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức sự kiện, hội nghị tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, phổ biến các chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại nước ngoài cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	- Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh. - Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 75/2021/TT-BTC.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Các tổ chức, doanh nghiệp.	Hàng năm (từ 2022 – 2030)	
2	Biên tập, phát hành các tài liệu chuyên đề về sở hữu trí tuệ	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Các tổ chức, doanh nghiệp.	Hàng năm (từ 2022 – 2030)	

STT	Nhiệm vụ	Hình thức thực hiện/ Kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ; các tổ chức, cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.	Mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.	Theo giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030.	

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ
HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
GIẢI ĐOẠN 2022-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh	
				Trong nước	Nước ngoài		
I.	Đến năm 2025						
1.	Hồ tiêu	Hồ tiêu Bà Rịa – Vũng Tàu	Chỉ dẫn địa lý			X	X
2.	Nhãn xuồng com vàng	Nhãn xuồng com vàng Bà Rịa – Vũng Tàu	Chỉ dẫn địa lý			X	X

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài		
3.	Mãng cầu	Mãng cầu dai Cát Lỡ, Bà Rịa – Vũng Tàu	Chỉ dẫn địa lý			X	X
4.	Muối	Muối Bà Rịa	Chỉ dẫn địa lý			X	X
5.	Rượu	Rượu Hòa Long	Nhãn hiệu tập thể			X	X
6.	Cá một nắng Côn Đảo	Cá một nắng Côn Đảo	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X
7.	Mực một nắng Côn Đảo	Mực một nắng Côn Đảo	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh	
				Trong nước	Nước ngoài		
8.	Bánh khọt	Bánh khọt Vũng Tàu	Nhãn hiệu tập thể			X	X
9.	Bưởi da xanh	Bưởi da xanh Sông Xoài	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X
			Chỉ dẫn địa lý	X			
10.	Ca cao	Châu Đức	Chỉ dẫn địa lý/ Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	X		X	X
11.	Thanh Long	Xuyên Mộc	Chỉ dẫn địa lý/ Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	X		X	X

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài		
12.	Khoai mài (Hoài Sơn)	Đất Đỏ	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x		x	x
13.	Bơ	Đất Đỏ	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x		x	x
14.	Nhóm dịch vụ lễ hội, du lịch		Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x		x	x
15.	Nhóm sản phẩm gắn với Chương trình OCOP: Chọn lọc trên cơ sở Danh sách các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP đã được Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp huyện, cấp tỉnh đánh giá và xếp hạng từ 3 sao trở lên.			x	x	x	x

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh	
				Trong nước	Nước ngoài		
	- Số lượng: ít nhất 30 sản phẩm. - Thời gian xem xét đưa vào danh sách hỗ trợ: Đã được Hội đồng đánh giá sản phẩm đánh giá từ 2021-2025.						
II	Đến năm 2030						
1.	Hàu	Hàu Long Sơn	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X
2.	Chả cá	Chả cá Phước Hải	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X
3.	Bún	Bún Long Kiên	Nhãn hiệu chứng nhận			X	X

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài		
4.	Bánh tráng	Bánh tráng An Ngãi	Nhãn hiệu chứng nhận			x	x
5.	Sò ốc mỹ nghệ	Vũng Tàu	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			
6.	Trứng vịt	Long Điền, Đất Đỏ	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			
7.	Cá chỉ vàng	Long Điền, Vũng Tàu	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài		
8.	Dưa lưới	Xuyên Mộc, Châu Đức	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			
9.	Khoai môn	Đất Đỏ	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			
10.	Hạt điều	Xuyên Mộc, Châu Đức	Nhãn hiệu chứng nhận/ Nhãn hiệu tập thể	x			
11.	Hồ tiêu	Hồ tiêu Bà Rịa – Vũng Tàu	Nhãn hiệu chứng nhận/ Chỉ dẫn địa lý		x		

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện			
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ	Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài		
12.	Mãng cầu ta	Mãng cầu dai Cát Lỡ, Bà Rịa – Vũng Tàu,	Nhãn hiệu chứng nhận/ Chỉ dẫn địa lý		x		
13.	Nhãn xuồng com vàng	Nhãn xuồng com vàng Bà Rịa – Vũng Tàu	Nhãn hiệu chứng nhận/ Chỉ dẫn địa lý		x		
14.	Nhóm sản phẩm gắn với Chương trình OCOP: Chọn lọc trên cơ sở Danh sách các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP đã được Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp huyện, cấp tỉnh đánh giá và xếp hạng từ 3 sao trở lên. - Số lượng: ít nhất 20 sản phẩm.			x	x	x	x

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tên nhãn hiệu/ Địa chỉ	Loại hình nhãn hiệu	Nội dung thực hiện		
				Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP		Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch của tỉnh
				Trong nước	Nước ngoài	
- Thời gian xem xét đưa vào danh sách hỗ trợ: Đã được Hội đồng đánh giá sản phẩm đánh giá từ 2025-2030.						